

Tất cả các sản phẩm dệt dùng cho các mục đích kỹ thuật (trừ các sản phẩm thuộc các **nhóm từ 59.08 đến 59.10**) được phân loại trong nhóm này và không được phân loại ở nơi nào khác trong Phần XI (xem Chú giải 8 (b) của Chương này); ví dụ như:

- (1) Vải bất kỳ thuộc đoạn (A) nói trên đã được hoàn thiện (được cắt hình, được ghép lại bằng cách may,...), ví dụ: vải lọc dùng trong công nghệ ép dầu được làm bằng cách chồng nhiều mảnh vải lên nhau; vải dùng để rây, sàng được cắt thành hình và được trang trí với những dải hoặc được gắn thêm các khung (lỗ khâu) kim loại hoặc vải được gắn vào một khung dùng trong kỹ thuật in lưới.
- (2) Vải dệt và ni, không có đầu mút, hoặc được lắp thiết bị kết nối, của loại sử dụng trong máy sản xuất giấy hoặc các loại máy tương tự (ví dụ cho bột giấy hoặc xi măng - amiăng) (không kể đai máy **thuộc nhóm 59.10**).
- (3) Các sản phẩm dệt tạo thành bởi các sợi monofilament xoắn ốc liên kết lại với nhau và có các công dụng tương tự như vải dệt và ni dùng cho máy sản xuất giấy hoặc các loại máy tương tự đã được đề cập đến trong đoạn (2) nói trên.
- (4) Miếng đệm, màng chắn dùng cho bơm, động cơ,... và máy giặt (không kể loại thuộc **nhóm 84.84**).
- (5) Đĩa, khớp nối và tấm dùng cho đánh bóng giày và các loại máy khác.
- (6) Túi dệt dùng trong kỹ thuật ép dầu.
- (7) Sợi bện (cord) được cắt theo chiều dọc, có thắt nút, thắt vòng, hoặc có khung, lỗ bằng kim loại hoặc thủy tinh, dùng cho khung dệt Jacquard hoặc khung dệt khác.
- (8) Bộ gom (picker) khung dệt.
- (9) Túi cho máy hút bụi chân không, túi lọc của thiết bị lọc không khí, túi lọc của các lọc dầu cho động cơ...

Các sản phẩm dệt của nhóm này có thể có đi kèm với các bộ phận phụ trợ làm bằng vật liệu khác miễn là chúng vẫn mang đặc tính cơ bản các sản phẩm dệt.

Chú giải phân nhóm.

Phân nhóm 5911.90

Các sản phẩm tạo thành từ các sợi monofilament xoắn ốc liên kết lại với nhau và có các công dụng tương tự vải dệt và ni dùng trong máy sản xuất giấy hoặc các loại máy tương tự nằm trong phân nhóm này và không nằm trong phân nhóm 5911.31 hoặc 5911.32.

Chương 60

Các loại hàng dệt kim hoặc móc

Chú giải.

1. Chương này không bao gồm:
 - (a) Hàng ren, móc thuộc nhóm 58.04;

All textile articles of a kind used for technical purposes (other than those of headings 59.08 to 59.10) are classified in this heading and not elsewhere in Section XI (see Note 8 (b) to the Chapter); for example:

- (1) Any of the fabrics of (A) above which have been made up (cut to shape, assembled by sewing, etc.), for example, straining cloths for oil presses made by assembly of several pieces of fabric; bolting cloth cut to shape and trimmed with tapes or furnished with metal eyelets or cloth mounted on a frame for use in screen printing.
- (2) Textile fabrics and felts, endless or fitted with linking devices, of a kind used in paper-making or similar machines (for example, for pulp or asbestos-cement) (**excluding** machinery belts of **heading 59.10**).
- (3) Articles formed of linked monofilament yarn spirals and having similar uses to the textile fabrics and felts of a kind used in paper-making or similar machines referred to in (2) above.
- (4) Gaskets and diaphragms for pumps, motors, etc., and washers (excluding those of **heading 84.84**).
- (5) Discs, sleeves and pads for shoe polishing and other machines.
- (6) Textile bags for oil presses.
- (7) Cords cut to length, with knots, loops, or metal or glass eyelets, for use on Jacquard or other looms.
- (8) Loom pickers.
- (9) Bags for vacuum cleaners, filter bags for air filtration plant, oil filters for engines, etc.

The textile articles of this heading may incorporate accessories in other material **provided** the articles remain essentially articles of textile.

Subheading Explanatory Note.

Subheading 5911.90

Articles formed of linked monofilament yarn spirals and having similar uses to the textile fabrics and felts of a kind used in paper-making or similar machines fall in this subheading and not in subheading 5911.31 or 5911.32.

Chapter 60

Knitted or crocheted fabrics

Notes.

1. This Chapter does not cover:
 - (a) Crochet lace of heading 58.04;

(b) Các loại nhãn, phù hiệu hoặc các sản phẩm tương tự, dệt kim hoặc móc, thuộc nhóm 58.07; hoặc

(c) Vải dệt kim hoặc móc, đã ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp, thuộc Chương 59. Tuy nhiên, các loại vải nổi vòng dệt kim hoặc móc, được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp, vẫn được phân loại vào nhóm 60.01.

2. Chương này cũng kể cả các loại vải làm từ sợi kim loại và được sử dụng trong trang trí, như vải trang trí nội thất hoặc dùng cho các mục đích tương tự.

3. Trong toàn bộ Danh mục, bất kỳ sự liên quan nào đến hàng "dệt kim" kể cả hàng khâu đính trong đó các mũi khâu móc xích đều được tạo thành bằng sợi dệt.

Chú giải Phân nhóm.

1 - Phân nhóm 6005.35 bao gồm vải từ monofilament polyetylen hoặc từ multifilament polyeste, có định lượng từ 30g/m² đến 55g/m², có kích cỡ lưới từ 20 lỗ/cm² đến 100 lỗ/cm², và được tẩm hoặc phủ alpha- cypermethrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), permethrin (ISO) hoặc pirimiphos- methyl (ISO).

TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm các loại vải dệt được sản xuất bằng cách tạo ra hàng loạt các vòng khâu nối với nhau, không giống vải dệt thoi được sản xuất bằng cách đan xen kẽ sợi ngang và sợi dọc. Nói chung, các sản phẩm này bao gồm:

(A) **Vải dệt kim** (dệt kim sợi ngang và dệt kim sợi dọc)

(I) Dệt kim sợi ngang bao gồm 1 sợi dệt quấn liên tục, tạo thành các hàng vòng nằm cùng hướng ngang qua tấm vải, các vòng trong các hàng kề sát nhau cài vào nhau tạo thành mắt lưới. Có kẽ hở giữa các đường khâu (mũi khâu) của tấm vải, điều này cho phép tấm vải có thể duỗi ra một cách dễ dàng theo mọi hướng; khi 1 sợi trong số các sợi đó bị đứt thì tấm vải sẽ bị "rã ra".

(II) Dệt kim sợi dọc có nhiều sợi chạy theo cùng hướng của sợi dọc (nghĩa là, theo chiều dọc của tấm vải) mỗi sợi tạo thành các vòng lần lượt cài xen kẽ với các vòng ở hàng bên trái và hàng bên phải. Các vòng trong dệt kim sợi dọc trông giống như là chạy chéo theo khổ vải. Đối với một số loại vải dệt kim sợi dọc, sợi dọc có 2 chuỗi chạy chéo theo các hướng ngược nhau ngang qua tấm vải. Vải loại này không "rã ra". Nếu 1 ô vuông nhỏ bị cắt ra khỏi tấm vải dệt kim sợi dọc, thì sợi không dễ bị kéo ra từ bất kỳ cạnh nào của ô vuông đó; khi các sợi có thể được kéo từ ô vuông trên, thì chúng sẽ bung ra theo hướng sợi dọc (tại các góc phải của hàng vòng ngoài)...

Dệt kim sợi dọc cũng bao gồm thêm:

(1) Các sản phẩm khâu đính, **miễn là** các sản phẩm này có đường khâu được tạo thành bởi sợi dệt.

(b) Labels, badges or similar articles, knitted or crocheted, of heading 58.07; or

(c) Knitted or crocheted fabrics, impregnated, coated, covered or laminated, of Chapter 59. However, knitted or crocheted pile fabrics, impregnated, coated, covered or laminated, remain classified in heading 60.01.

2. This Chapter also includes fabrics made of metal thread and of a kind used in apparel, as furnishing fabrics or for similar purposes.

3. Throughout the Nomenclature any reference to "knitted" goods includes a reference to stitch-bonded goods in which the chain stitches are formed of textile yarn.

Subheading Note.

1 - Subheading 6005.35 covers fabrics of polyethylene monofilament or of polyester multifilament, weighing not less than 30 g/m² and not more than 55 g/m², having a mesh size of not less than 20 holes/cm² and not more than 100 holes/cm², and impregnated or coated with alpha- cypermethrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), permethrin (ISO) or pirimiphos-methyl (ISO).

GENERAL

This Chapter covers textile fabrics which are manufactured, not like woven fabrics by interlacing warp and weft threads, but by the production of a series of interlinking loops. In general, these goods comprise:

(A) **Knitted fabrics** (weft knits and warp knits)

(I) Weft knits consist of a continuously winding thread, forming rows of loops lying in the same direction across the fabric, the loops in adjacent rows interlocking to form the mesh. There is free play between the stitches of these fabrics which allows them to stretch easily in all directions; when a thread is broken they tend to "ladder".

(II) Warp knits consist of a number of threads running in the direction of the warp (i.e., along the length of the fabric) each thread forming loops interlocking alternatively with loops in rows to the left and right. The loops in warp knits usually appear to be across the width of the fabric. In certain warp knitted fabrics the warp threads are in two series running diagonally in opposite directions to and from across the fabric. These fabrics do not "ladder". If a small square is cut from a warp knit fabric, yarns cannot easily be pulled from any side; when yarns can be pulled from the sample, they pull out in the warp direction (at right angles to the apparent rows of loops).

The warp knits further include:

(1) Stitch-bonded goods, **provided** they have chain stitches formed by textile yarn.

Quá trình khâu đính sử dụng một loại máy tương tự như máy dệt kim sợi dọc, máy này hoạt động bằng kim có móc mở, nhọn (kim trượt) và dây go. Những chiếc kim này cho phép tạo ra các mạng bằng sợi dệt để sản xuất vải từ một mảng xơ dệt hoặc 1 hay nhiều lớp sợi dệt, hoặc từ 1 nền, ví dụ như một tấm vải dệt thoi hoặc một tấm plastic. Trong một vài trường hợp, các mũi khâu có thể tạo thành hoặc cố định một vòng lông (cho dù đã được cắt hoặc chưa cắt). Các sản phẩm được may chân được ghép lại bằng cách khâu đính bị loại ra khỏi nhóm này (**nhóm 58.11**).

(2) Vải được sản xuất ra bởi máy dệt kim sợi dọc vì thế các sợi dọc bao gồm một chuỗi các vòng móc giữ các sợi ngang đúng vị trí, thỉnh thoảng tạo hoa văn.

Tất cả các loại vải trong đoạn (I) và (II) trên có thể được khâu đơn giản hoặc phức tạp; trong một vài trường hợp chúng tạo ra các lỗ hờ, khe hở tương tự như đăng ten, nhưng tuy nhiên, chúng vẫn được phân loại trong nhóm này. Nhìn chung các sản phẩm này có thể phân biệt với đăng ten, ren các loại bởi đường dệt kim đặc trưng của chúng (đặc biệt ở các phần dày khít).

(B) **Vải móc**, được tạo thành bởi các sợi liên tục được gia công bằng tay dùng kim móc để tạo ra hàng loạt các vòng, vòng này xuyên qua các vòng khác và tạo thành, theo cách tập hợp các vòng lại, kể cả vải trơn hay vải trang trí có hình mẫu sít hoặc hở. Một số loại vải có lỗ hờ bao gồm 1 loạt các vòng tạo thành hình vuông, hình lục giác hoặc các hình mẫu hoặc hoa văn trang trí khác.

*

* *

Các sản phẩm thuộc Chương này có thể được làm bằng tay với hai hay nhiều kim đan hoặc với một kim móc. Các sản phẩm này cũng có thể tạo ra bởi máy đan thẳng hoặc tròn có lắp kim móc hình nhỏ đáng đặc biệt (kim có ngành hoặc kim cong, kim chốt dệt kim và kim ống).

Các nhóm của Chương này bao gồm vải dệt kim hoặc móc, **cho dù các vải dệt kim hoặc móc thuộc Phần XI** được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm và chúng có hoặc không đi kèm sợi đàn hồi hoặc sợi cao su. Chương này cũng bao gồm vải dệt kim hoặc móc làm từ sợi kim loại nguyên chất miễn là các loại vải này rõ ràng để làm khăn phủ, đồ trang trí hoặc các mục đích tương tự.

Chương này bao gồm vải dệt kim hoặc móc ở dạng mảnh (kể cả mảnh hình ống) hoặc chỉ cắt đơn giản thành hình chữ nhật (kể cả hình vuông). Các mảnh vải này bao gồm vải trơn và có gân/sọc và vải đúp được ghép bằng việc khâu hoặc dán đính.

Tất cả các loại vải này có thể được nhuộm, in hoặc được làm từ các sợi màu khác nhau. Các loại vải thuộc các nhóm từ 60.02 đến 60.06 đôi lúc được chải mượt mặt vải đến mức trạng thái tự nhiên của vải được che đi.

Chương này **không bao gồm**:

The stitch-bonding process uses a machine similar to a warp knitting machine which operates with pointed, open-hooked needles (sliding needles) and heald wire. These needles make it possible to form stitches with textile yarns which produce fabrics from a web of textile fibres or one or more layers of textile yarns, or from a ground of, for example, a woven fabric or a sheet of plastics. In some cases, the stitches may form or fix a pile (whether or not cut). Quilted products assembled by stitch-bonding are **excluded (heading 58.11)**.

(2) Fabrics made on a warp knitting machine so that the warp consists of a chain of crocheted loops which hold the weft yarns in position, sometimes forming a pattern.

All the fabrics of paragraphs (I) and (II) above may be of simple or more or less complex stitches; in certain cases they produce an open-work effect similar to lace, but nevertheless remain classified here. They can generally be distinguished from lace by their characteristic knitting stitch (particularly in the solid parts).

(B) **Crocheted fabrics**, formed by a continuous thread worked by hand with a crochet hook to produce a series of loops pulled one through the other and forming, according to the manner of grouping the loops, either a plain or an ornamental fabric of close or open-work design. Certain open-work fabrics have chains of loops formed into squares, hexagons or other ornamental patterns.

*

* *

The products of this Chapter may be made by hand on two or more knitting needles or with a crochet hook. They may also be made on rectilinear or circular knitting machines fitted with small specially shaped, hooked needles (bearded or spring needles, hosiery latch needles and tubular needles).

The headings of this Chapter cover knitted or crocheted fabrics, **regardless of which of the textiles of Section XI** are used to make the goods and whether or not they incorporate elastomeric yarn or rubber thread. It also includes knitted or crocheted fabrics made from **fine metallic threads provided** that such fabrics are clearly of a kind used for clothing, furnishing or similar purposes.

This Chapter covers knitted or crocheted fabrics in the piece (including tubular pieces) or simply cut to rectangular (including square) shape. These fabrics include plain and ribbed fabrics, and double fabrics assembled by sewing or gumming.

All these fabrics may be dyed, printed or made of different coloured yarns. The fabrics of headings 60.02 to 60.06 are sometimes teased so that the nature of the fabric is masked.

The Chapter **does not cover**:

- (a) Vải khâu đính thu được bằng cách lấy các xơ dệt từ tấm xơ đó (**nhóm 56.02**).
- (b) Vải lưới và lưới (**nhóm 56.08**).
- (c) Các loại thảm dệt kim và thảm (**nhóm 57.05**).
- (d) Vải lưới và hàng ren móc (**nhóm 58.04**).
- (e) Những miếng vải được cắt thành hình chữ nhật (kể cả hình vuông) đã được gia công thêm (ví dụ: viền), các mặt hàng được sản xuất ở dạng hoàn chỉnh sẵn sàng cho sử dụng (ví dụ: khăn choàng) và các loại vải dệt kim hoặc móc thành các hình dạng, cho dù được để riêng lẻ hay để ở dạng nối với nhau thành đoạn dài (cụ thể, các sản phẩm hoàn thiện của **Chương 61, 62 và 63**).

Chú giải Phân nhóm.

Các Phân nhóm từ 6005.21 đến 6005.44 và 6006.21 đến 6006.44

Vải dệt kim hoặc móc, chưa tẩy trắng, đã tẩy trắng, đã nhuộm, bằng các sợi màu khác nhau, hoặc đã in

Các điều khoản của Chú giải Phân nhóm 1 Phần XI, (d) đến (h), áp dụng, *mutatis mutandis*, hợp đối với vải dệt kim hoặc móc, chưa tẩy trắng, đã tẩy trắng, đã nhuộm, bằng các sợi màu khác nhau, hoặc đã được in.

Vải bao gồm một phần hoặc toàn bộ các sợi đã in màu sắc khác nhau hoặc những sợi đã được in với những sắc thái khác nhau của cùng một màu được coi như **những vải làm từ những sợi màu khác nhau** và không được coi như vải đã in hoặc đã nhuộm màu.

60.01 - Vải nổi vòng (pile), kể cả các loại vải "vòng lông dài" (long pile) và khăn lông (terry), dệt kim hoặc móc.

6001.10 - Vải "vòng lông dài" (long pile)

- Vải tạo vòng lông (looped pile):

6001.21 - - Từ bông

6001.22 - - Từ xơ nhân tạo

6001.29 - - Từ các loại vật liệu dệt khác

- Loại khác:

6001.91 - - Từ bông

6001.92 - - Từ xơ nhân tạo

6001.99 - - Từ các vật liệu dệt khác

Không giống như vải dệt thoi thuộc nhóm 58.01, các sản phẩm của nhóm này thu được bằng dệt kim. Các phương pháp sản xuất sau đây được sử dụng chủ yếu:

- (1) một máy dệt kim đan tròn sản xuất ra vải dệt kim, trong đó, vòng nhô ra được tạo bằng sợi đưa thêm vào; sau đây các vòng này được cắt tạo thành lông tuyết (pile) và vì thế có bề mặt giống như nhung;
- (2) một máy dệt kim sợi dọc chuyên biệt đan 2 mảnh

(a) Stitch-bonded fabrics obtained by picking up textile fibres from a web of such fibres (**heading 56.02**).

(b) Nets and netting of **heading 56.08**.

(c) Knitted carpets and carpeting (**heading 57.05**).

(d) Net fabrics and crochet lace (**heading 58.04**).

(e) Pieces of fabric cut to rectangular (including square) shape which have been subjected to a further operation (e.g., hemming), articles produced in the finished state ready for use (e.g., mufflers) and fabrics knitted or crocheted to shape, whether presented as separate items or in the form of a number of items in the length (made up articles of **Chapters 61, 62 and 63**, in particular).

Subheading Explanatory Note.

Subheadings 6005.21 to 6005.44 and 6006.21 to 6006.44

Knitted or crocheted fabrics, unbleached, bleached, dyed, of yarns of different colours, or printed

The provisions of Subheading Note 1 to Section XI, (d) to (h), apply *mutatis mutandis* to knitted or crocheted fabrics, unbleached, bleached, dyed, of yarns of different colours, or printed.

Fabrics consisting either wholly or partly of printed yarns of different colours or of printed yarns of different shades of the same colour are regarded as **fabrics of yarns of different colours** and not as dyed fabrics or printed fabrics.

60.01 - Pile fabrics, including "long pile" fabrics and terry fabrics, knitted or crocheted.

6001.10 - "Long pile" fabrics

- Looped pile fabrics:

6001.21 - - Of cotton

6001.22 - - Of man-made fibres

6001.29 - - Of other textile materials

- Other:

6001.91 - - Of cotton

6001.92 - - Of man-made fibres

6001.99 - - Of other textile materials

Unlike the woven fabrics of heading 58.01, the products of this heading are obtained by knitting. The following methods of production are those mainly used:

- (1) a circular knitting machine produces a knitted fabric in which, by means of an additional yarn, protruding loops are formed; afterwards the loops are cut to form pile and thus give a velvet-like surface;
- (2) a special warp knitting machine knits two fabrics

vải đối diện nhau bằng sợi vòng lông chung; sau đó 2 mảnh vải này được tách ra bằng cách cắt để làm thành 2 tấm vải với vòng lông cắt;

(3) sợi dệt từ 1 cuộn sợi đã chải thô được lồng vào các vòng của 1 tấm vải nền đã được dệt kim theo như cách tấm nền đó được hình thành (vải "vòng lông dài" (long pile));

(4) sợi dệt để tạo thành các vòng ("vải bông xù giả" (imitation terry fabric)) (xem phần Chú giải Tổng quát). Các vải như vậy có các đường mũi khâu trên mặt sau của vải và chúng khác với vải dệt nổi vòng thuộc nhóm 58.02, với đặc điểm là có các hàng mũi khâu chạy dọc theo chiều dài của mặt sau tấm vải.

Vải dệt kim hoặc móc nổi vòng, được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc dát mỏng, vẫn được phân loại trong nhóm này.

Nhóm này **không bao gồm**:

- (a) Da lông nhân tạo thuộc **nhóm 43.04**.
- (b) Vải dệt nổi vòng (**nhóm 58.01**).
- (c) Vải dệt kim hoặc móc, may chần sợi nổi vòng (**nhóm 58.02**).

60.02 - Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, có hàm lượng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng, trừ loại thuộc nhóm 60.01.

6002.40 - Có hàm lượng sợi đàn hồi chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng nhưng không có sợi cao su

6002.90 - Loại khác

Loại trừ vải có tạo vòng lông **nhóm 60.01**, nhóm này bao gồm vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên.

Sợi đàn hồi được định nghĩa tại Chú giải 13 Phần XI. Sợi dún được nói đến trong Chú giải đó được định nghĩa trong Chú giải phân nhóm ở phần cuối Chú giải chi tiết nhóm 54.02.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

- (a) Băng, đã tẩm thuốc hoặc đóng gói để bán lẻ (**nhóm 30.05**).
- (b) Sợi sùi vòng (**nhóm 56.06**).
- (c) Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc thuộc **nhóm 58.07**.
- (d) Vải thêu thuộc **nhóm 58.10**.
- (e) Vải thuộc **Chương 59** (ví dụ: vải đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép thuộc **nhóm 59.03** hoặc **59.07**, và vải cao su hóa thuộc **nhóm 59.06**).
- (f) Các mặt hàng hoàn thiện theo nghĩa của Chú giải 7 Phần XI (xem cả Phần (II) Chú giải tổng quát của Phần).

60.03 - Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, trừ loại thuộc nhóm 60.01 hoặc 60.02.

face to face with a common pile yarn; the two fabrics are then separated by cutting to produce two knitted fabrics with a cut pile;

(3) textile fibres from a carded sliver are inserted into the loops of a knitted ground fabric as it is formed ("long pile" fabrics);

(4) textile yarn to form loops ("imitation terry fabrics") (see General Explanatory Note). Such fabrics have rows of chain stitches on the back of the fabric and they differ from the pile fabrics of heading 58.02, which are characterised by rows of stitches having the appearance of running stitches along the length of the back of the fabric.

Knitted or crocheted pile fabrics, impregnated, coated, covered or laminated, remain classified in this heading.

The heading **does not include**:

- (a) Artificial fur of **heading 43.04**.
- (b) Woven pile fabrics (**heading 58.01**).
- (c) Knitted or crocheted fabrics, tufted (**heading 58.02**).

60.02 - Knitted or crocheted fabrics of a width not exceeding 30 cm, containing by weight 5 % or more of elastomeric yarn or rubber thread, other than those of heading 60.01.

6002.40 - Containing by weight 5 % or more of elastomeric yarn but not containing rubber thread

6002.90 - Other

Other than the pile fabrics of **heading 60.01**, this heading covers knitted or crocheted fabrics of a width not exceeding 30 cm, containing by weight 5 % or more of elastomeric yarn or rubber thread.

Elastomeric yarn is defined in Note 13 to Section XI. The textured yarns mentioned in that Note are defined in the Subheading Explanatory Note at the end of the Explanatory Note to heading 54.02.

This heading also **excludes**:

- (a) Bandages, medicated or put up for retail sale (**heading 30.05**).
- (b) Loop wale-yarn (**heading 56.06**).
- (c) Labels, badges and similar articles, knitted or crocheted, of **heading 58.07**.
- (d) Embroidered fabrics of **heading 58.10**.
- (e) Fabrics of **Chapter 59** (e.g., impregnated, coated, covered or laminated fabrics of **heading 59.03** or **59.07**, and rubberised fabrics of **heading 59.06**).
- (f) Made up articles within the meaning of Note 7 to Section XI (see also Part (II) of the General Explanatory Note to the Section).

60.03 - Knitted or crocheted fabrics of a width not exceeding 30 cm, other than those of heading 60.01

6003.10 - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

6003.20 - Từ bông

6003.30 - Từ các xơ tổng hợp

6003.40 - Từ các xơ tái tạo

6003.90 - Loại khác

Loại trừ vải tạo vòng lông **nhóm 60.01**, nhóm này bao gồm vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, không chứa sợi đàn hồi hoặc sợi cao su hoặc có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su không quá 5%.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

(a) Băng, đã tẩm thuốc hoặc đã đóng gói để bán lẻ (**nhóm 30.05**).

(b) Sợi sùi vòng (**nhóm 56.06**).

(c) Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc, thuộc **nhóm 58.07**.

(d) Vải thêu thuộc **nhóm 58.10**.

(e) Vải thuộc **Chương 59** (Ví dụ: Vải đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép thuộc **nhóm 59.03** hoặc **59.07**, vải cao su hóa **nhóm 59.06**, và bắc hoặc vải dùng làm mạng đèn măng xông thuộc **nhóm 59.08**).

(f) Các mặt hàng hoàn thiện theo nghĩa của Chú giải 7 Phần XI (xem cả Phần (II) Chú giải tổng quát của Phần).

60.04 - Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng hơn 30 cm, có hàm lượng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng, trừ các loại thuộc nhóm 60.01.

6004.10 - Có hàm lượng sợi đàn hồi chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng nhưng không bao gồm sợi cao su

6004.90 - Loại khác

Loại trừ vải có tạo vòng lông thuộc nhóm 60.01, nhóm này bao gồm vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su từ 5% trở lên.

Sợi đàn hồi được định nghĩa tại Chú giải 13 Phần XI. Sợi dún được nói đến trong Chú giải đó được định nghĩa trong Chú giải phân nhóm ở phần cuối Chú giải chi tiết nhóm 54.02.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

(a) Băng, đã tẩm thuốc hoặc đóng gói để bán lẻ (**nhóm 30.05**).

(b) Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc thuộc **nhóm 58.07**.

(c) Vải thêu thuộc **nhóm 58.10**/

(d) Vải thuộc **Chương 59** (Ví dụ: Vải đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép thuộc nhóm 59.03 hoặc 59.07, vải cao su hóa thuộc nhóm 59.06).

or 60.02.

6003.10 - Of wool or fine animal hair

6003.20 - Of cotton

6003.30 - Of synthetic fibres

6003.40 - Of artificial fibres

6003.90 - Other

Other than the pile fabrics of **heading 60.01**, this heading covers knitted or crocheted fabrics of a width not exceeding 30 cm, containing no elastomeric yarn or rubber thread or containing by weight less than 5 % of such yarn or thread.

This heading also **excludes**:

(a) Bandages, medicated or put up for retail sale (**heading 30.05**).

(b) Loop wale-yarn (**heading 56.06**).

(c) Labels, badges and similar articles, knitted or crocheted, of **heading 58.07**.

(d) Embroidered fabrics of **heading 58.10**.

(e) Fabrics of **Chapter 59** (e.g., impregnated, coated, covered or laminated fabrics of **heading 59.03** or **59.07**, rubberised fabrics of **heading 59.06**, and wicks or gas mantle fabric of **heading 59.08**).

(f) Made up articles within the meaning of Note 7 to Section XI (see also Part (II) of the General Explanatory Note to the Section).

60.04 - Knitted or crocheted fabrics of a width exceeding 30 cm, containing by weight 5 % or more of elastomeric yarn or rubber thread, other than those of heading 60.01.

6004.10 - Containing by weight 5 % or more of elastomeric yarn but not containing rubber thread

6004.90 - Other

Other than the pile fabrics of **heading 60.01**, this heading covers knitted or crocheted fabrics of a width exceeding 30 cm, containing by weight 5 % or more of elastomeric yarn or rubber thread.

Elastomeric yarn is defined in Note 13 to Section XI. The textured yarns mentioned in that Note are defined in the Subheading Explanatory Note at the end of the Explanatory Note to heading 54.02.

This heading also **excludes**:

(a) Bandages, medicated or put up for retail sale (**heading 30.05**).

(b) Labels, badges and similar articles, knitted or crocheted, of **heading 58.07**.

(c) Embroidered fabrics of **heading 58.10**.

(d) Fabrics of **Chapter 59** (e.g., impregnated, coated, covered or laminated fabrics of heading 59.03 or 59.07, and rubberised fabrics of heading 59.06).

(e) Các mặt hàng hoàn thiện theo nghĩa của Chú giải 7 Phần XI (xem cả Phần (II) Chú giải tổng quát của Phần).

60.05 - Vải dệt kim đan dọc (kể cả các loại làm trên máy dệt kim dệt dải trang trí), trừ loại thuộc các nhóm 60.01 đến 60.04.

- Từ bông:

6005.21 -- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng

6005.22 -- Đã nhuộm

6005.23 -- Từ các sợi có màu khác nhau

6005.24 -- Đã in

- Từ xơ tổng hợp:

6005.35 -- Các loại vải được chi tiết trong Chú giải phân nhóm 1 Chương này

6005.36 -- Loại khác, chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng

6005.37 -- Loại khác, đã nhuộm

6005.38 -- Loại khác, từ các sợi có màu khác nhau

6005.39 -- Loại khác, đã in

- Từ xơ tái tạo:

6005.41 -- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng

6005.42 -- Đã nhuộm

6005.43 -- Từ các sợi có màu khác nhau

6005.44 -- Đã in

6005.90 - Loại khác

Loại trừ vải có tạo vòng lông **nhóm 60.01**, nhóm này bao gồm vải dệt kim sợi dọc có khổ rộng trên 30 cm, không chứa sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su hoặc có tỷ trọng sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su dưới 5%. Nó cũng bao gồm vải từ chất liệu sợi đơn polyethylene hoặc sợi đa polyester, có trọng lượng từ 30g/m² đến 55g/m², có kích cỡ lưới từ 20 lỗ/cm² đến 100 lỗ/cm², và được tẩm hoặc phủ alpha-cypermethrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), permethrin (ISO) hoặc pirimiphos-methyl (ISO). (Xem Chú giải Phân nhóm 1 của Chương này). Các chi tiết liên quan tới việc sản xuất vải dệt kim sợi dọc (bao gồm các loại vải được làm trên máy dệt kim dệt dải trang trí) được diễn giải ở Chú giải tổng quát Chương 60, Phần (A) (II).

Vải dệt kim sợi dọc có nhiều dạng. Ngoài các loại vải truyền thống không thưa sợi như các loại vải được sử dụng cho may quần áo, loại vải này bao gồm cả vải dệt thủng lỗ. Những loại vải này, được làm trên máy dệt sợi dọc (đặc biệt là máy Raschel), thường tương tự với vải lưới hoặc ren (nhưng không nên nhầm lẫn đối với loại vải ren: xem Chú giải chi tiết **nhóm 58.04**) và thường được dùng để làm rèm, màn. Giống ren làm trên máy, loại vải dệt kim hoặc móc giả ren này thường được làm thành các mảnh khá lớn và các mảnh này được cắt thành các dải

(e) Made up articles within the meaning of Note 7 to Section XI (see also Part (II) of the General Explanatory Note to the Section).

60.05 - Warp knit fabrics (including those made on galloon knitting machines), other than those of headings 60.01 to 60.04.

- Of cotton :

6005.21 -- Unbleached or bleached

6005.22 -- Dyed

6005.23 -- Of yarns of different colours

6005.24 -- Printed

- Of synthetic fibres :

6005.35 -- Fabrics specified in Subheading Note 1 to this Chapter

6005.36 -- Other, unbleached or bleached

6005.37 -- Other, dyed

6005.38 -- Other, of yarns of different colours

6005.39 -- Other, printed

- Of artificial fibres :

6005.41 -- Unbleached or bleached

6005.42 -- Dyed

6005.43 -- Of yarns of different colours

6005.44 -- Printed

6005.90 - Other

Other than the pile fabrics of heading 60.01, this heading covers warp knits of a width exceeding 30 cm, containing no elastomeric yarn or rubber thread or containing less than 5% of such yarn or thread. It also covers fabrics of polyethylene monofilament or of polyester multifilament, weighing not less than 30 g/m² and not more than 55 g/m², having a mesh size of not less than 20 holes/cm² and not more than 100 holes/cm², and impregnated or coated with alpha-cypermethrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), permethrin (ISO) or pirimiphos-methyl (ISO) (See Subheading Note 1 to this Chapter). Details concerning the manufacture of warp knits (including those made on galloon knitting machines) are to be found in the General Explanatory Note to Chapter 60, Part (A) (II).

Warp knit fabrics can take various forms. Apart from the traditional fabrics without openings, such as those used for making garments, they include open-work fabrics. These fabrics, made on warp knitting machines (especially Raschel machines), are often similar to net fabrics or lace (but should not be mistaken for the latter: see the Explanatory Note to **heading 58.04**) and are often used for making curtains. Like machine-made lace, such knitted or crocheted imitations of lace are often produced in fairly wide pieces which are cut into strips during the finishing process. Such strips, of

trong quá trình hoàn thiện. Các dải đó, có chiều dài không xác định, được phân loại vào nhóm này miễn là các mép dải thẳng và song song và khổ rộng trên 30 cm.

Nhóm này **không bao gồm**:

- (a) Băng, đã tẩm thuốc hoặc đóng gói để bán lẻ (**nhóm 30.05**).
- (b) Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc thuộc **nhóm 58.07**.
- (c) Vải thêu thuộc **nhóm 58.10**.
- (d) Vải thuộc **Chương 59** (Ví dụ: vải đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép thuộc **nhóm 59.03** hoặc **59.07**, vải cao su hóa thuộc **nhóm 59.06**, và bắc hoặc vải dùng làm mạng đèn măng sông **nhóm 59.08**).
- (e) Các mặt hàng hoàn thiện theo nghĩa của Chú giải 7 Phần XI (xem cả Phần (II) Chú giải tổng quát của Phần).

60.06 - Vải dệt kim hoặc móc khác.

6006.10 - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn

- Từ bông:

6006.21 - - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng

6006.22 - - Đã nhuộm

6006.23 - - Từ các sợi có màu khác nhau

6006.24 - - Đã in

- Từ xơ sợi tổng hợp:

6006.31 - - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng

6006.32 - - Đã nhuộm

6006.33 - - Từ các sợi có màu khác nhau

6006.34 - - Đã in

- Từ xơ tái tạo:

6006.41 - - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng

6006.42 - - Đã nhuộm

6006.43 - - Từ các sợi có màu khác nhau

6006.44 - - Đã in

6006.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm vải dệt kim và móc **loại trừ** vải thuộc các **nhóm trước** của Chương này.

Nhóm này bao gồm, ví dụ như vải dệt kim sợi ngang và vải móc có khổ rộng hơn 30 cm, không chứa sợi đàn hồi hoặc sợi cao su hoặc có tỷ trọng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su dưới 5%. Chú giải chi tiết của Chương này giải thích nghĩa của cụm từ “dệt kim sợi ngang” và “vải móc” (xem Khái quát chung, các Phần (A) (I) và (B) tương ứng).

Nhóm này **không bao gồm**:

- (a) Băng, đã tẩm thuốc hoặc đóng gói để bán lẻ (**nhóm 30.05**).
- (b) Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương

indeterminate length, fall in this heading provided that their edges are straight and parallel and that their width exceeds 30 cm.

This heading also **excludes**:

- (a) Bandages, medicated or put up for retail sale (**heading 30.05**).
- (b) Labels, badges and similar articles, knitted or crocheted, of **heading 58.07**.
- (c) Embroidered fabrics of **heading 58.10**.
- (d) Fabrics of Chapter 59 (e.g., impregnated, coated, covered or laminated fabrics - of **heading 59.03** or **59.07**, rubberised fabrics of **heading 59.06**, and wicks or gas mantle fabric of **heading 59.08**).
- (e) Made up articles within the meaning of Note 7 to Section XI (see also Part (II) of the General Explanatory Note to the Section).

60.06 - Other knitted or crocheted fabrics.

6006.10 - Of wool or fine animal hair

- Of cotton:

6006.21 - - Unbleached or bleached

6006.22 - - Dyed

6006.23 - - Of yarns of different colours

6006.24 - - Printed

- Of synthetic fibres:

6006.31 - - Unbleached or bleached

6006.32 - - Dyed

6006.33 - - Of yarns of different colours

6006.34 - - Printed

- Of artificial fibres:

6006.41 - - Unbleached or bleached

6006.42 - - Dyed

6006.43 - - Of yarns of different colours

6006.44 - - Printed

6006.90 - Other

This heading covers knitted or crocheted fabrics **other than** those of the **preceding headings** of this Chapter.

It covers, for example, weft knits and crocheted fabrics of a width exceeding 30 cm, containing no elastomeric yarn or rubber thread or containing by weight less than 5 % of such yarn or thread. The Explanatory Note to this Chapter explains the meaning of “weft knits” and “crocheted fabrics” (see General, Parts (A) (I) and (B), respectively).

This heading also **excludes**:

- (a) Bandages, medicated or put up for retail sale (**heading 30.05**).
- (b) Labels, badges and similar articles, knitted or

tự, dệt kim hoặc móc thuộc **nhóm 58.07**.

(c) Vải thêu thuộc **nhóm 58.10**.

(d) Vải thuộc **Chương 59** (Ví dụ: vải đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép thuộc **nhóm 59.03** hoặc **59.07**, vải cao su hóa thuộc **nhóm 59.06** và bấc hoặc vải dùng làm mạng đèn măng sông thuộc **nhóm 59.08**).

(e) Các mặt hàng hoàn thiện theo nghĩa của Chú giải 7 Phần XI (xem cả Phần (II) Chú giải tổng quát của Phần).

Chương 61

Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc

Chú giải.

1. Chương này chỉ áp dụng với mặt hàng may mặc sẵn được dệt kim hoặc móc.

2. Chương này không bao gồm:

(a) Những mặt hàng thuộc nhóm 62.12;

(b) Quần áo hoặc các sản phẩm may mặc đã qua sử dụng khác thuộc nhóm 63.09; hoặc

(c) Dụng cụ chỉnh hình, đai thắt phẫu thuật, băng giữ hoặc loại tương tự (nhóm 90.21).

3. Theo mục đích của các nhóm 61.03 và 61.04:

(a) Khái niệm "bộ com-lê" có nghĩa là một bộ quần áo có hai hoặc ba chiếc may sẵn, có lớp ngoài may bằng cùng một loại vải và bao gồm:

- một áo vét hoặc jacket có lớp ngoài, trừ tay áo, gồm từ 4 mảnh trở lên, được thiết kế để che phần trên của cơ thể, có thể kèm theo một áo gilê có hai thân trước may bằng loại vải giống hệt như lớp ngoài của những chiếc khác trong cùng bộ và thân sau may bằng loại vải giống hệt như lớp vải lót của áo vét hoặc jacket; và

- một bộ trang phục được thiết kế để che phần dưới của cơ thể và bao gồm một quần dài, quần ống chẽn hoặc quần soóc (trừ quần bơi), chân váy hoặc chân váy dạng quần; không có yếm cũng như dây đeo.

Tất cả các bộ phận cấu thành của một "bộ com-lê" phải may bằng cùng một loại vải, cùng màu sắc và thành phần nguyên liệu; chúng cũng phải có cùng kiểu dáng và có kích cỡ tương ứng hoặc phù hợp với nhau. Tuy nhiên, các bộ phận này có thể có các dải viền (dải bằng vải khâu vào đường nối) bằng loại vải khác.

Nếu một vài thành phần riêng biệt để che phần dưới của cơ thể được trình bày cùng nhau (ví dụ, hai quần dài hoặc quần dài kèm quần soóc, hoặc chân váy hoặc chân váy dạng quần kèm quần dài), thì bộ phận cấu thành của phần dưới là một quần dài hoặc, đối với trường hợp bộ com-lê của phụ nữ hoặc trẻ em gái, là chân váy hoặc chân váy dạng quần, các hàng may mặc khác được xem xét một cách riêng rẽ.

Khái niệm "bộ com-lê" kể cả những bộ quần áo dưới

crocheted, of **heading 58.07**.

(c) Embroidered fabrics of **heading 58.10**.

(d) Fabrics of **Chapter 59** (e.g., impregnated, coated, covered or laminated fabrics of **heading 59.03** or **59.07**, rubberised fabrics of **heading 59.06**, andwicks or gas mantle fabric of **heading 59.08**).

(e) Made up articles within the meaning of Note 7 to Section XI (see also Part (II) of the General Explanatory Note to the Section).

Chapter 61

Articles of apparel and clothing accessories, knitted or crocheted

Notes.

1. This Chapter applies only to made up knitted or crocheted articles.

2. This Chapter does not cover:

(a) Goods of heading 62.12;

(b) Worn clothing or other worn articles of heading 63.09; or

(c) Orthopaedic appliances, surgical belts, trusses or the like (heading 90.21).

3. For the purposes of headings 61.03 and 61.04:

(a) The term "suit" means a set of garments composed of two or three pieces made up, in respect of their outer surface, in identical fabric and comprising:

- one suit coat or jacket the outer shell of which, exclusive of sleeves, consists of four or more panels, designed to cover the upper part of the body, possibly with a tailored waistcoat in addition whose front is made from the same fabric as the outer surface of the other components of the set and whose back is made from the same fabric as the lining of the suit coat or jacket; and

- one garment designed to cover the lower part of the body and consisting of trousers, breeches or shorts (other than swimwear), a skirt or a divided skirt, having neither braces nor bibs.

All of the components of a "suit" must be of the same fabric construction, colour and composition; they must also be of the same style and of corresponding or compatible size. However, these components may have piping (a strip of fabric sewn into the seam) in a different fabric.

If several separate components to cover the lower part of the body are presented together (for example, two pairs of trousers or trousers and shorts, or a skirt or divided skirt and trousers), the constituent lower part shall be one pair of trousers or, in the case of women's or girls' suits, the skirt or divided skirt, the other garments being considered separately.

The term "suit" includes the following sets of